

Số: 96 /QĐ-UBND

Đồng Mai, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG MAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của UBND phường về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO phường Đồng Mai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND phường Đồng Mai phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban chỉ đạo ISO, Văn phòng, các bộ phận chuyên môn thuộc UBND phường thường xuyên triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND phường Đồng Mai./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội;
- UBND Quận Hà Đông (để b/c);
- Lưu: VPUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Quang Thoan

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND PHƯỜNG ĐỒNG MAI ĐƯỢC CÔNG
BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008
(Ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND phường)

STT	Các lĩnh vực xây dựng, áp dụng và công bố
1.Theo yêu cầu tiêu chuẩn	
1.	Chính sách chất lượng
2.	Mục tiêu chất lượng
3.	Sổ tay chất lượng
4.	Kiểm soát tài liệu
5.	Kiểm soát hồ sơ
6.	Đánh giá nội bộ
7.	Kiểm soát sự không phù hợp
8.	Thực hiện hành động khắc phục
9.	Thực hiện hành động phòng ngừa
2. Lĩnh vực văn phòng-một cửa	
10.	Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính
11.	Quy trình quản lý trang thiết bị
3. Lĩnh vực Nội vụ	
12.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
13.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề
14.	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
15.	Tặng danh hiệu gia đình văn hóa
4. Lĩnh vực giáo dục-đào tạo	
16.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
17.	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
18.	Giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
19.	Chuyển đổi chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
20.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
5. Lĩnh vực Thanh tra	

21.	Xử lý đơn
22.	Giải quyết khiếu nại lần đầu
23.	Giải quyết tố cáo
24.	Tiếp công dân
6. Lĩnh vực Lao động TBXH	
25.	Xác nhận đơn vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội cho thân nhân liệt sỹ
26.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ người có công nuôi dưỡng liệt sỹ
27.	Đề nghị xác nhận bản khai giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công với cách mạng đã chết trước ngày 01/01/1995
28.	Xác nhận đề nghị giải quyết chế độ Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
29.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ tuất cho thân nhân người có công với cách mạng
30.	Xác nhận đơn đề nghị chứng nhận người có công với cách mạng
31.	Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ (theo thẩm quyền) giải quyết chế độ chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên xuất ngũ về địa phương đã từ trần
32.	Xác nhận bản khai đề nghị giải quyết chế độ ưu đãi trợ cấp 1 lần đối với người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến, Huân, Huy chương Chiến thắng
33.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với thương binh và người hưởng chính sách như thương binh
34.	Xác nhận đơn đề nghị di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
35.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến
36.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, gia đình liệt sỹ, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng
37.	Xác nhận đơn xin công nhận liệt sỹ (thương binh loại A, chết do vết thương tái phát)
38.	Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ (theo thẩm quyền) giải quyết chế độ chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương
39.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng
40.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ chính sách đối với bệnh binh, người phục vụ bệnh binh tại nhà
41.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng và một lần đối với thanh niên xung phong trong thời kỳ kháng chiến
42.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng
43.	Xác nhận đơn đề nghị giám định sức khỏe đối với thân nhân Người có công để đủ điều kiện giải quyết tuất hàng tháng
44.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết thủ tục cấp thẻ BHYT các đối tượng người HĐKC đã hưởng trợ cấp 01 lần

45.	Xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sỹ, tìm mộ liệt sỹ, chuyển mộ liệt sỹ
46.	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại thẻ Gia đình liệt sỹ
47.	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại, đổi lại thẻ thương binh
48.	Xác nhận thân nhân người có công hưởng trợ cấp ưu đãi giáo dục đào tạo
49.	Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ (theo thẩm quyền) giải quyết chế độ chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.
50.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945
51.	Xác nhận hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH
52.	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ đi xe buýt miễn phí cho người có công với cách mạng
53.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ đối với vợ (chồng) liệt sỹ tái giá
54.	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh
55.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh
56.	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với thanh niên xung phong
57.	Xác nhận đơn đề nghị xác nhận Liệt sỹ
58.	Xác nhận đơn đề nghị công nhận danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”
59.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí đối với người HĐKC giải phóng dân tộc và tù đầy
60.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần và mai táng phí đối với thân nhân người có công với cách mạng từ trần
61.	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đối với trường hợp tham gia kháng chiến nhưng chưa được hưởng chế độ
62.	Xác nhận đơn đề nghị giám định sức khỏe đối với người bị nhiễm chất độc hóa học
63.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng
64.	Xác nhận hoàn cảnh gia đình bệnh nhân tâm thần (để miễn giảm viện phí)
65.	Xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt khó khăn; xác nhận học sinh tiểu học, THCS, THPT, sinh viên thuộc đối tượng hưởng chính sách con hộ nghèo
66.	Thủ tục xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ đi xe buýt miễn phí cho người tàn tật
67.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội
68.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho hộ gia đình có từ 2 người trở lên tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ
69.	Xác nhận hoàn cảnh người tàn tật

70.	Xác nhận đơn xin giám định sức khỏe đối với con hộ nghèo, người tàn tật cô đơn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người bị nhiễm chất độc hóa học
71.	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại sổ bảo trợ xã hội
72.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi
73.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người cao tuổi cô đơn thuộc gia đình nghèo, người cao tuổi còn cả vợ chồng nhưng không có con cháu nương tựa, thuộc diện hộ nghèo
74.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động thuộc diện hộ nghèo
75.	Xác nhận đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội thường xuyên
76.	Giải quyết đơn đề nghị đưa đối tượng cứu trợ xã hội vào Trung tâm Bảo trợ xã hội (trẻ mồ côi, người già cô đơn, người tâm thần, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS)
77.	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội
78.	Xác nhận tờ khai đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ dưới 16 tuổi
79.	Xác nhận đơn vay vốn cho hộ nghèo, cận nghèo
80.	Hồ sơ về việc “Tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng”
81.	Phân loại, đánh giá xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm ở cấp xã
82.	Lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm chữa bệnh – giáo dục lao động xã hội (cơ sở chữa bệnh)
83.	Lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy, người bán dâm có nơi cư trú nhất định vào Trung tâm chữa bệnh – giáo dục lao động xã hội (cơ sở chữa bệnh).
84.	Cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật
85.	Giải quyết chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng
86.	Giải quyết chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng
87.	Giải quyết chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người nhận nuôi dưỡng chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng
88.	Giải quyết chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi
89.	Giải quyết chế độ mai táng phí theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
90.	Giải quyết chế độ Bảo hiểm y tế với Cựu chiến binh theo Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh

91.	Giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần; bảo hiểm y tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
7. Lĩnh vực Tư pháp	
92.	Thủ tục đăng ký khai sinh
93.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
94.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động
95.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
96.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
97.	Thủ tục đăng ký kết hôn
98.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động
99.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn
100.	Thủ tục đăng ký khai tử
101.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động
102.	Thủ tục đăng ký lại khai tử
103.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
104.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
105.	Thủ tục đăng ký giám hộ
106.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ
107.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
108.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch
109.	Đăng ký nhận con nuôi (đối với trẻ em tại gia đình/trẻ em bị bỏ rơi hoặc mồ côi chưa đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)
110.	Đăng ký nuôi con nuôi (đối với trẻ đang ở tại cơ sở nuôi dưỡng)
111.	Đăng ký nuôi con nuôi thực tế
112.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi
113.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật
114.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật
115.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính
116.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường
117.	Thủ tục trả lại tài sản
118.	Thủ tục chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý tài chính

119.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu
120.	Bầu hòa giải viên
121.	Bầu tổ trưởng tổ hòa giải
122.	Thôi làm hòa giải viên
123.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên
124.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
125.	Chứng thực di chúc
126.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
127.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
128.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
129.	Cấp bản sao từ sổ gốc
130.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
131.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
132.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
133.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
134.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
135.	Thủ tục liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới sáu tuổi.
136.	Thủ tục liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới sáu tuổi.
8. Lĩnh vực Văn hóa thông tin	
137.	Thành lập thư viện cấp xã
138.	Chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc thay đổi nội dung hoạt động đã đăng ký Thư viện cấp xã
139.	Đăng ký hoạt động thư viện cấp xã
140.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 cho đến dưới 1.000 bản
141.	Xác nhận đơn (công văn) đề nghị xếp hạng di tích
9. Lĩnh vực Địa chính - đô thị	
142.	Xác nhận bản khai chuyển nhượng hoặc đơn xin sang tên hợp đồng thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước
143.	Hòa giải tranh chấp đất đai
144.	Giải quyết khiếu nại về đất đai

145.	Xác nhận đơn đính chính, thu hồi giấy chứng nhận
146.	Xác định ranh giới thửa đất sử dụng ổn định, không tranh chấp khi làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
147.	Tra cứu thông tin hồ sơ địa chính
148.	Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính
149.	Xác định tình trạng nhà để phục vụ đăng ký cư trú
150.	Cấp phép sử dụng tạm thời hè phố để tổ chức việc cưới, việc tang
151.	Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản
152.	Thủ tục: Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường
10. Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn	
153.	Thành lập/chấm dứt tổ hợp tác
154.	Giải quyết chế độ đối với xã viên
155.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (cấp mới; cấp lại khi sắp hết hạn; cấp lại trong trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh)
156.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận. Riêng trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh thì thực hiện theo trình tự thủ tục cấp mới)
157.	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
158.	Xác nhận của UBND cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên (của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân)
159.	Xác nhận của UBND cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân
160.	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật
11. Lĩnh vực công thương	
161.	Thủ tục ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội